ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đã được đưa vào khai thác sử dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, kinh tế trên địa bàn tỉnh. Công trình thủy lợi được xây dựng bằng nguồn vốn khác có thể tham khảo quy định này. Nội dung không có trong quy định này thực hiện theo Luật Thủy lợi, Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT và văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *"Hệ thống công trình thủy lợi bơm chuyển tiếp"* gồm: trạm bơm, kênh và công trình trên kênh của các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp *(HTXDVNN)*. Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) làm nhiệm vụ bơm chuyển tiếp từ tưới, tiêu tạo nguồn của các Công ty khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) trong hệ thống đến chủ động cho tổ chức thủy lợi cơ sở.

Hệ thống công trình thủy lợi chuyển tiếp chỉ có trong vùng quy hoạch tưới, tiêu của các Công ty KTCTTL.

2. *"Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:* Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

3. *"Sau cống đầu kênh", "Sau bể xả trạm bơm"* là vị trí đến hết phần xây đúc về phía hạ lưu của cống, bể xả trạm bơm tính theo chiều nước chảy.

"Trước cống đầu kênh", "Trước bể hút trạm bơm" là vị trí đến hết phần xây đúc về phía thượng lưu của cống, bể hút trạm bơm tính theo chiều nước chảy.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi *(sau đây gọi chung là đơn vị khai thác công trình thủy lợi)* gồm: Công ty KTCTTL, doanh nghiệp có nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi; HTXDVNN, HTXNN có nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi; tổ chức thủy lợi cơ sở; cá nhân có nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý, khai thác

1. Mỗi công trình thủy lợi phải có một đơn vị khai thác công trình thủy lợi khai thác, sử dụng. Tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với chức năng khai thác, sử dụng của đơn vị được giao khai thác, sử dụng công trình.

2. Tuân thủ theo quy trình vận hành chung trong hệ thống quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Lấy diện tích phục vụ và mức độ phục vụ của công trình để phân cấp quản lý, khai thác.

4. Việc phân cấp quản lý, khai thác công trình phải đảm bảo tính kế thừa, thuận lợi trong quá trình quản lý, sử dụng nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ của công trình.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa đơn vị khai thác công trình thủy lợi và tổ chức thủy lợi cơ sở là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

Quy mô thủy lợi nội đồng được xác định là công trình thủy lợi có diện tích phục vụ từ 25 ha trở xuống

Điều 6. Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Trong vùng các Công ty KTCTTL tưới, tiêu chủ động

Công ty KTCTTL Hà Nam, Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Hà Nam quản lý, khai thác từ công trình đầu mối đến sau cống đầu kênh tưới và trước cống đầu kênh tiêu tại vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tổ chức thủy lợi cơ sở *(trừ các công trình do Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà, Sông Nhuệ đã được cấp có thẩm quyền giao quản lý).*

2. Trong vùng các Công ty KTCTTL tưới, tiêu tạo nguồn và chủ động một phần:

a) Các Công ty KTCTTL quản lý, khai thác từ công trình đầu mối đến trước bể hút trạm bơm tưới hoặc sau bể xả trạm bơm tiêu của các HTXDVNN, HTXNN.

b) Các HTXDVNN, HTXNN làm nhiệm vụ bơm chuyển tiếp quản lý, khai thác từ trước bể hút trạm bơm tưới, sau bể xả trạm bơm tiêu của HTXDVNN,HTXNN và hệ thống kênh mương từ trạm bơm đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tổ chức thủy lợi cơ sở

3. Ngoài vùng tưới, tiêu của các Công ty KTCTTL

Các HTXDVNN,HTXNN ngoài vùng chịu trách nhiệm quản lý, khai thác hệ thống công trình từ đầu mối đến mặt ruộng và căn cứ quy định này để xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi làm cơ sở phân rõ nguồn vốn tu sửa, vận hành công trình cho phù hợp.

4. Tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác các công trình thủy lợi từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi vào mặt ruộng.

5. Quản lý, khai thác một số tuyến sông nội đồng

Công ty KTCTTL tỉnh Hà Nam quản lý, sử dụng các sông nội đồng gồm: sông Châu Giang đoạn từ cống Tắc Giang đến cống Phủ Lý, đoạn từ đập Quan trung đến đập Vĩnh Trụ; sông Bùi từ trạm bơm Thanh Sơn đến cống Bùi; sông Kinh Thủy trên địa bàn Hà nam, sông Biên Hòa đoạn từ trạm bơm Đinh Xá đến đập Cầu Ghéo.

Điều 7. Bàn giao và quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Các công trình trước đây do HTXDVNN, HTXNN xây dựng và quản lý, nay bàn giao lại cho Công ty KTCTTL để phù hợp với quy định này được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tổ chức bàn giao hiện trạng để quản lý sử dụng. Việc bàn giao công trình thực hiện theo địa bàn huyện, thành phố, vị trí ranh giới quản lý được xác định tại hiện trường một cách cụ thể và được lập danh sách của từng tuyến kênh theo từng hệ thống, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt để giao nhiệm vụ trong quản lý vận hành công trình. Danh sách thống kê bàn giao công trình được lập thành 04 *(bốn)* bộ gửi các đơn vị: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn 01 bộ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố 01 bộ; Đơn vị nhận bàn giao công trình 01 bộ; đơn vị bàn giao công trình 01 bộ.

Công ty KTCTTL, HTXDVNN và tổ chức, cá nhân được giao khai thác công trình thủy lợi phải lập hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Nghị định 129/2017/NĐ-CP và Luật Thủy lợi.

Điều 8. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các Công ty Khai thác công trình thủy lợi.

1. Quy định về lập, phê duyệt, điều chỉnh quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Thực hiện theo điều 6, điều 7, điều 8, điều 9 thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Thực hiện bảo trì.

a) Lập, phê duyệt kế hoạch sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Hàng năm, các công ty KTCTTL lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của đơn vị, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt để thực hiện, việc lập kế hoạch phải hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 của năm trước năm kế hoạch.Kế hoạch phải có tên từng hạng mục công trình tu bổ, sửa chữa và khai toán kinh phí thực hiện.

Sau khi kế hoạch được phê duyệt các công ty Khai thác công trình tổ chức thực hiện theo quy định tại điều 14 thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT.

Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi về các hạng mục công trình trong kế hoạch sửa chữa thường xuyên, các công ty KTCTTL có tờ trình báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

b) Lập, phê duyệt kế hoạch, đề cương, dự toán các nội dung bảo trì khác: gồm kiểm tra, quan trắc, kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm lập, phê duyệt các nội dung bảo trì theo quy định từ điều 10 đến điều 13, điều 15 Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT.

c) Tổ chức thực hiện bảo trì: Sau khi kế hoạch được duyệt, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện bảo trì theo kế hoạch.

d) Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ bảo trì: theo điều 16 Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT.

e) Tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập dự án, thiết kế, thi công, giám sát các hạng mục công trình phải đảm bảo yêu cầu về năng lực theo quy định hiện hành. Công ty KTCTTL thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành và sử dụng bộ máy chuyên môn của đơn vị để khảo sát, thiết kế, giám sát các hạng mục công trình để tiết kiệm chi phí, nếu không đủ năng lực thì được thuê tổ chức, cá nhân có năng lực để thực hiện.

3.Các nội dung khác về bảo trì công trình tuân theo Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT.

4. Hàng năm, các công ty KTTCTTL phải báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo trì về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 9. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các HTXDVNN (hoặc HTXNN) sử dụng kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Sửa chữa thường xuyên.

a) Lập và hiệp y kế hoạch.

Hàng năm, HTXDVNN lập kế hoạch tu bổ, sửa chữa công trình *(các HTXDVNN tưới, tiêu chuyển tiếp có ý kiến tham gia của Công ty KTCTTL)* cùng với dự toán đề nghị hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của đơn vị xong trước ngày 15 tháng 11 của năm trước năm kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thành phố kiểm tra, báo cáo UBND huyện, thành phố phê duyệt danh mục công trình để làm căn cứ cho các Hợp tác xã thực hiện.

b) Thẩm định.

Công trình có giá trị dự toán trên 200.000.000 đồng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, gửi kết quả về UBND cấp huyện phê duyệt. Phòng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện thẩm định công trình có giá trị dự toán đến 200.000.000 đồng, trình UBND huyện, thành phố phê duyệt hoặc gửi kết quả để UBND cấp xã, HTXDVNN phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 1 điều này.

c) Phê duyệt.

Sau khi có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt các công trình có giá trị dự toán trên 200.000.000 đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt các công trình có giá trị dự toán từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, HTXDVNN phê duyệt các công trình có giá trị dự toán dưới 30.000.000 đ

d) Điều chỉnh kế hoạch sửa chữa thường xuyên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi về hạng mục công trình, các HTXDVNN phải có tờ trình nêu rõ lý do xin điều chỉnh, thay đổi, bổ sung hạng mục trước khi thực hiện gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện để xem xét quyết định.

đ) Tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập dự án, thiết kế, thi công, giám sát các hạng mục công trình phải đảm bảo yêu cầu về năng lực theo quy định hiện hành. Các HTXDVNN thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành và phải sử dụng bộ máy chuyên môn của đơn vị để khảo sát, thiết kế, giám sát các hạng mục công trình để tiết kiệm chi phí, nếu không đủ năng lực thì được thuê tổ chức, cá nhân có năng lực để thực hiện.

e) Hết năm HTXDVNN phải lập báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sửa chữa công trình cùng với báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng tưới, tiêu với UBND cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh.

2. Các nội dung khác về bảo trì công trình theo Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT.

Điều 10. Kinh phí thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Nguồn kinh phí để bảo trì được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi dành ít nhất 18% tổng chi phí sản xuất kinh doanh từ sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ thủy lợi trong 1 năm để bảo trì công trình.

Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi sử dụng lao động của đơn vị để thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng và chỉ được chi trả tiền nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ. Nếu lao động của đơn vị không đảm bảo thì được thuê khoán.

Kinh phí nhà nước hỗ trợ cho việc khai thác, vận hành công trình thủy lợi từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình thủy lợi đầu mối.

Chi phí cho việc tu sửa, vận hành công trình thủy lợi từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến mặt ruộng *(thủy nông mặt ruộng)* thuộc trách nhiệm của tổ chức thủy lợi cơ sở và các hộ dùng nước đóng góp.

Điều 11. Quy định về năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải đảm bảo năng lực theo quy định tại Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 12. Kế hoạch tu bổ, sửa chữa các công trình thủy nông mặt ruộng

Kế hoạch tu bổ, sửa chữa công trình thủy nông mặt ruộng *(từ sau điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi)* bằng nguồn kinh phí dịch vụ lấy nước, do tổ chức thủy lợi cơ sở tự thực hiện trên cơ sở thảo luận, thống nhất, công khai, minh bạch với các hộ dùng nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tuyên truyền, phổ biến quy định này trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị thực hiện quy định này và các quy định khác có liên quan đến phân cấp và quản lý công trình thủy lợi.

c) Kiểm tra, thanh tra việc tu sửa công trình thủy lợi bằng nguồn vốn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và nguồn vốn khác của các Công ty KTCTTL, HTXDVNN, HTXNN.

d) Hướng dẫn, kiểm tra năng lực của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi. Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thủy lợi tại các đơn vị khai thác công trình thủy lợi đảm bảo yêu cầu theo quy định.

e) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Chủ trì hướng dẫn UBND các huyện, thành phố,các công ty KTCTTL trong việc điều chuyển, bàn giao, hạch toán quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định. Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo trì và quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao quản lý, khai thác.

3. Các Sở, ngành khác: Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan hướng dẫn các địa phương, các Công ty KTCTTL, các HTXDVNN thực hiện theo quy định này.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Tuyên truyền, phổ biến quy định này tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này.

c) Chỉ đạo các phòng chức năng thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đôn đốc các đơn vị khai thác công trình thủy lợi và các HTXDVNN, HTXNN tổ chức giao nhận công trình lợi trên địa bàn theo quy định.

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các HTXDVNN,HTXNN thực hiện từ khâu hiệp y hạng mục công trình, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc lập bản vẽ thi công và dự toán công trình; thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện đúng theo quy định này.

e) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến quy định này tại địa phương.

b) Chỉ đạo các HTXDVNN,HTXNN thực hiện việc bàn giao, lập hồ sơ lưu trữ công trình thủy lợi do đơn vị quản lý.

c) Chỉ đạo các HTXDVNN, HTXNN tưới, tiêu phục vụ sản xuất, sửa chữa công trình do HTXDVNN quản lý, sử dụng.

d) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi:

a) Công ty KTCTTL và các HTXDVNN, HTXNN có trách nhiệm phối kết hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố tổ chức xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; định rõ ranh giới quản lý các hệ thống công trình chuyển tiếp giữa 2 đơn vị, lập danh sách thống kê bàn giao các công trình thủy lợi, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt.

b) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng người làm quản lý,vận hành công trình thủy lợi tại đơn vị để đảm bảo yêu cầu về năng lực theo quy định.

c) Lưu trữ đầy đủ tài liệu, hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do đơn vị được giao khai thác sử dụng *(gồm hệ thống bản đồ tưới, tiêu; hệ thống kênh mương và công trình trên kênh, trạm bơm; diện tích tưới, tiêu; hồ sơ kế toán tài sản công trình vv...)*. Thực hiện trách nhiệm theo quy định này và quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo điều 54 Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn Luật.

d) Thực hiện các nội dung bảo trì công trình theo quy định này và Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT.

e) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quy định chuyển tiếp.

Những công trình thủy lợi trước đây đã giao cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi quản lý, khai thác theo Quyết định 26/2011/QĐ-UBND ngày 9 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh về phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn Hà Nam và quyết định của cấp có thẩm quyền khác, nếu không trái với quy định này thì tiếp tục giao cho các đơn vị quản lý, khai thác, không phải bàn giao lại. Các đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình phải hoàn chỉnh hồ sơ, lưu trữ đầy đủ về hệ thống công trình thủy lợi được giao quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 15. Điều khoản thi hành.

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông